

- 코로나19 (COVID-19) -
건강상태 확인서
(Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe)

성명(Họ và tên)	성별(Giới tính) ☐ 남(Nam) ☐ 여(Nữ)
국적(Quốc tịch)	생년월일(Ngày tháng sinh) (MM/DD/YYYY)
여권번호(Số hộ chiếu)	한국 입국 예정일(Ngày nhập cảnh dự kiến) (MM/DD/YYYY)
본국 내 주소(Địa chỉ tại Việt Nam)	본국 내 연락처(Số điện thoại tại Việt Nam)
한국 내 주소(Địa chỉ tại Hàn Quốc)	한국 내 연락처(Số điện thoại tại Hàn Quốc)

최근 30일 동안 체류한 도시를 모두 적으시오.

Hãy ghi tất cả những thành phố bạn đã đến trong vòng 30 ngày gần đây

1)	2)	3)	4)	5)
----	----	----	----	----

최근 14일 동안에 아래 증상이 있었거나 현재 있는 경우 해당란에 "√" 표시를 하십시오.

Hãy đánh dấu "✓" vào những triệu chứng bạn đã hoặc đang có trong vòng 14 ngày gần đây.

[] 발열 (Sốt)	[] 오한 (Cảm lạnh)	[] 두통 (Đau đầu)	[] 인후통 (Đau họng)	[] 콧물 (Chảy nước mũi)
[] 기침 (Ho)	[] 호흡곤란 (Khó thở)	[] 구토 (Buồn nôn)	[] 복통 또는 설사 (Đau bụng hoặc tiêu chảy)	[] 발진 (Phát ban)
[] 황달 (Vàng da)	[] 의식저하 (Mất nhận thức)	[] 점막 지속 출혈 (Máu khó đông) * 눈, 코, 입 등 (* mắt, mũi, miệng, v.v)	[] 그 밖의 증상 (Triệu chứng khác) ()	

위의 증상 중 해당하는 증상이 있는 경우에는 아래 항목 중 해당란에 "√" 표시를 하십시오.

Trong trường hợp có những triệu chứng như trên, hãy đánh dấu "✓" vào mục dưới đây.

[] 증상 관련 약을 복용하고 있음 (Đang uống thuốc liên quan đến triệu chứng)	[] 병원 치료 · 진료를 받고 있음 (Đang điều trị tại bệnh viện)
---	--

해당 증상이 없는 경우에는 우측 "증상 없음"란에 "√" 표시를 하십시오.

Trong trường hợp không có triệu chứng như trên, đánh dấu "v" vào phần "Không có triệu chứng".	(Không có triệu chứng)
---	------------------------

이 확인서의 작성을 기피하거나 확인서를 거짓으로 작성하여 제출하는 경우 「출입국관리법」에 따라 사증발급 또는 입국이 거부되거나 체류가 제한됩니다.

Trong trường hợp khai báo sai sự thật hoặc không khai báo theo mẫu đơn này, có thể bị từ chối Visa, nhập cảnh hoặc lưu trú tại Hàn Quốc theo 「Luật quản lý xuất nhập cảnh」.

본인은 이 확인서를 사실대로 작성하였음을 확인합니다.

Tôi xin cam đoan rằng những điều tôi khai báo trên là sự thật.

Ngày khai báo

(MM/DD/YYYY)

Người khai báo

(Chữ ký)

주호치민대한민국총영사관 귀하

Tổng Lãnh sự Quán Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh